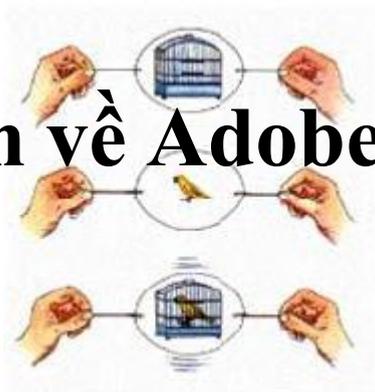

Khái niệm về phim & thao tác

cơ bản về Adobe Premiere



Thực chất chuyển động trên phim chỉ là sự hiển thị liên tục các ảnh tĩnh mà thôi (hình minh họa dưới)

- Tốc độ hình trên giây Frame per second (FPS)

Số frame hình được hiển thị trong 1 giây được gọi là tốc độ hình trên giây (FPS)

- Phim nhựa có 24 hình trên giây (24FPS)
 - Video hệ PAL (Phase Alternate Line) có 25 hình trên 1 giây (25FPS)
 - Video hệ NTSC (National Television Standards Committee)
có 29,97 hình trên 1 giây (30FPS)
 - Video sử dụng cho các website 15 FPS và nhiều lựa chọn khác
-
- Khung hình video 4:3 và 16:9

Có 2 loại cỡ khung hình video đang được sử dụng rộng rãi hiện nay là 4:3 và 16:9 tương ứng với 2 loại màn hình monitor (như hình dưới)



4:3



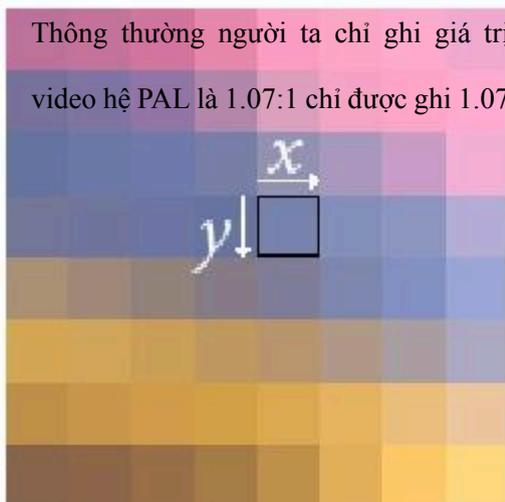
16:9

- Điểm ảnh Pixel cho video (pixel aspect ratio)

Ngoài các pixel thông thường hình vuông ta còn có các pixel hình chữ nhật

Đối với video người ta quy ước X = chiều rộng của pixel , Y = chiều cao của pixel

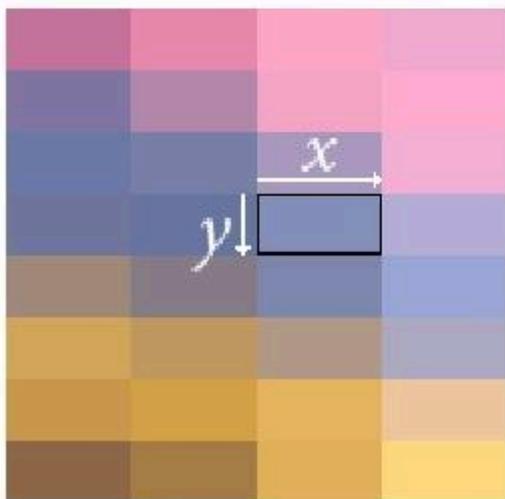
Ví dụ: $X/Y = 2:1$



Pixel Aspect Ratio

$$PAR = x/y = 1:1$$

x = pixel width
 y = pixel height



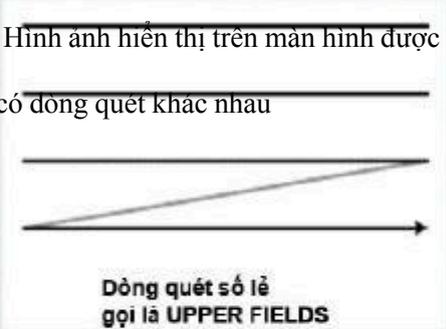
Pixel Aspect Ratio

$$PAR = x/y = 2:1$$

x = pixel width
 y = pixel height

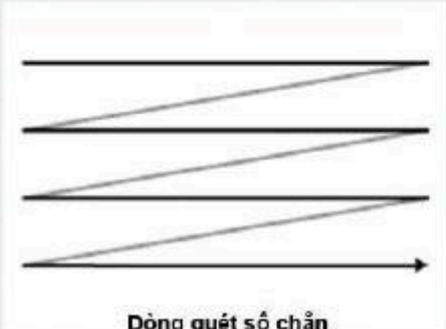
- Dòng quét (Fields)

Hình ảnh hiển thị trên màn hình được tạo ra bởi các dòng quét ảnh, tùy theo loại Video sẽ có dòng quét khác nhau



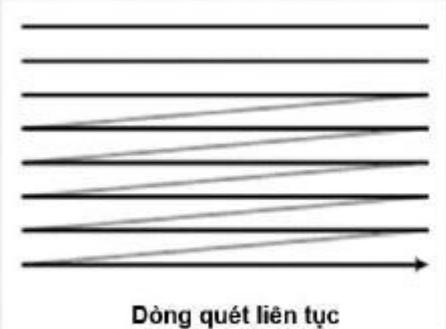
1
3
5
7

**Dòng quét số lẻ
gọi là UPPER FIELDS**



2
4
6
8

**Dòng quét số chẵn
gọi là LOWER FIELDS**



1
2
3
4
5
6
7
8

**Dòng quét liên tục
Progressive Scan**





II. Giới thiệu

Adobe Premiere là chương trình biên tập phim và làm hiệu ứng cho Video kỹ thuật số. Ứng dụng trong các lĩnh vực Truyền hình, quảng cáo và biên tập các đoạn video cho

- Một số ứng dụng thực tế



III. Khởi động

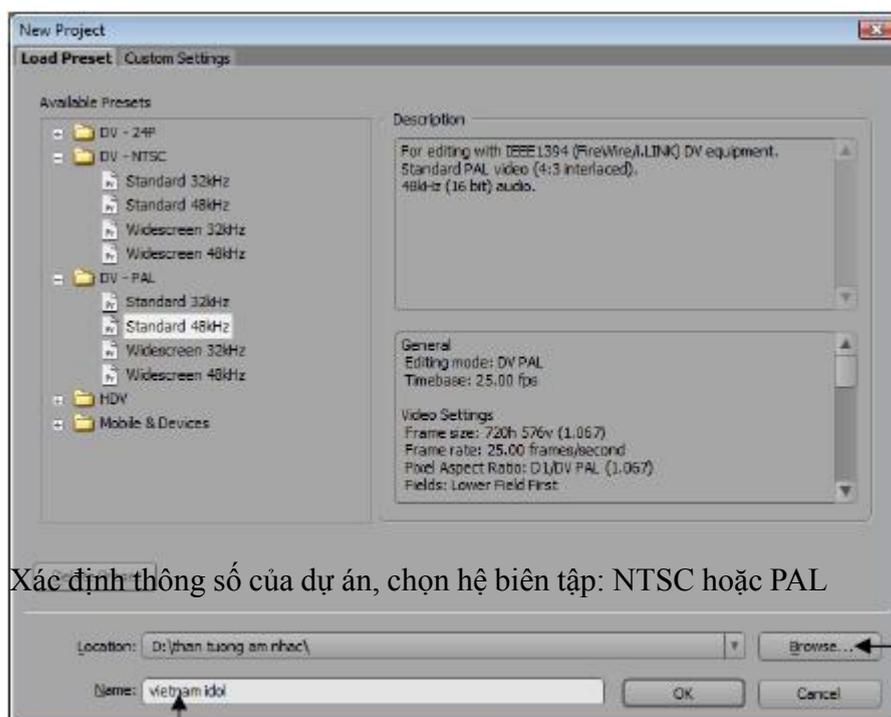
Start □ Programs □ Adobe Master Collection CS3 □ Adobe Premiere Pro CS3

IV. Tạo và xác định thông số cho dự án

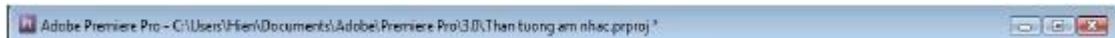
- Click vào new project để tạo dự án mới



- Xác định thông số của dự án, chọn hệ biên tập: NTSC hoặc PAL



Click nút browse
chọn nơi lưu



Đặt tên cho dự án



Lưu ý : nên lưu dự án vào thư mục



Giáo trình Adobe Premiere

Trang 6

V. Giao diện

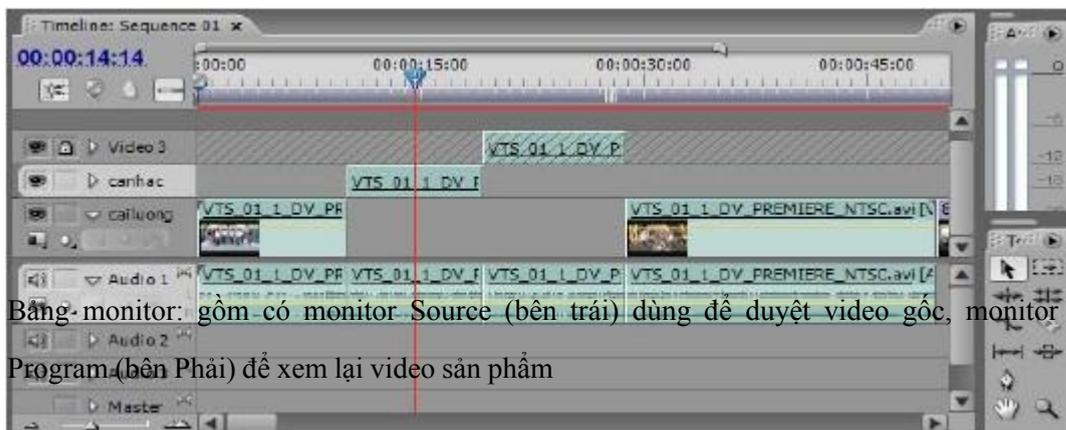
- Thanh Tiêu đề: Chứa biểu tượng và tên chương trình, tên tài liệu hiện hành

- Thanh Menu: Chứa biểu tượng trong chương trình, các menu lệnh làm việc của chương trình.

- Bảng Project: nơi chứa các dữ liệu video, hình ảnh, âm thanh.



- Bảng monitor: gồm có monitor Source (bên trái) dùng để duyệt video gốc, monitor Program (bên Phải) để xem lại video sản phẩm



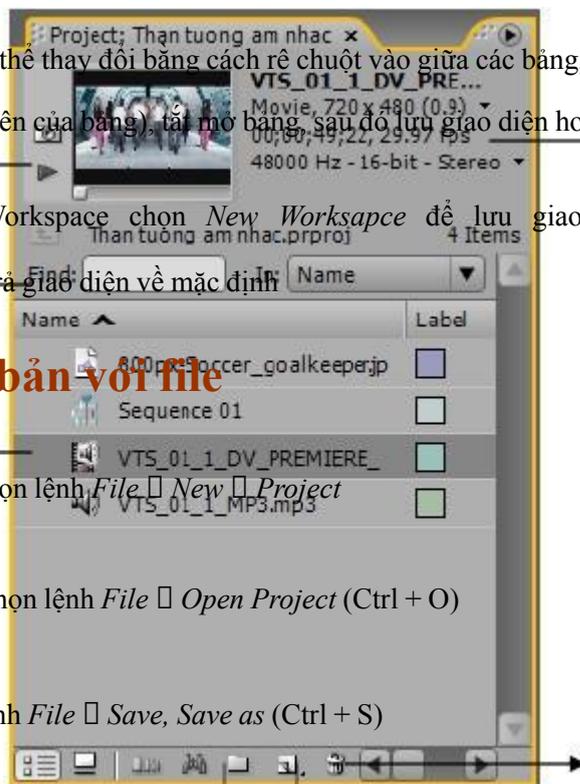
- Bảng Timeline: mặc định gồm có 3 track Video và 3 track Audio , bảng Timeline chứa các clip được biên tập và xem lại trên monitor program Program

- Lưu ý: giao diện có thể thay đổi bằng cách rê chuột vào giữa các bảng, tách rời bảng (giữ Ctrl+drag vào tên của bảng), tắt mở bảng, sau đó lưu giao diện hoặc trả giao diện về mặc định

Vào menu Window\Workspace chọn *New Worksapce* để lưu giao diện hoặc *Reset Current Workspace* để trả giao diện về mặc định

VI. Thao tác cơ bản với file

- Tạo dự án mới: Chọn lệnh *File* □ *New* □ *Project*
- Mở dự án có sẵn: Chọn lệnh *File* □ *Open Project* (Ctrl + O)
- Lưu dự án: Chọn lệnh *File* □ *Save*, *Save as* (Ctrl + S)
- Import file: Chọn lệnh *File* □ *import* (Ctrl+I) nhập các file video, hình ảnh, âm thanh
- Import file sử dụng gần đây nhất: Chọn lệnh *File* □ *import Recent file*

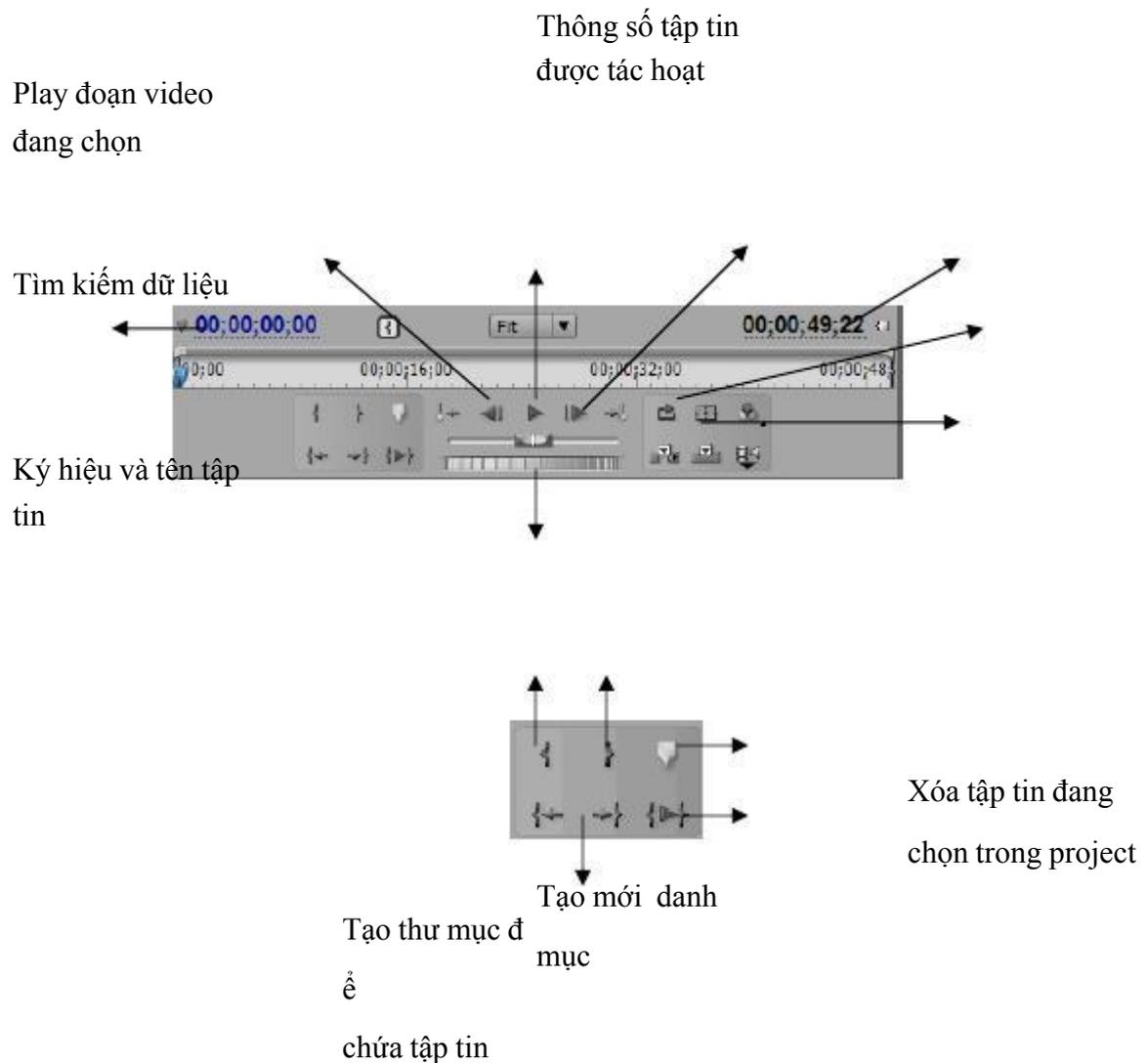


VII. Làm việc với bảng Project, Monitor source,

Monitor Program, Timeline

Thao tác với bảng Project

Import một số dữ liệu video, hình ảnh, âm thanh để sắp xếp trong bảng Project



- Đổi tên tập tin: click phải vào tập tin. Chọn lệnh rename (tên gốc tập tin sẽ không thay đổi)
- Di chuyển tập tin: drag tập tin vào và ra ngoài thư mục

Thao tác với Monitor Source

- Double click vào clip trên bảng project để đưa clip vào Monitor Source

Tua lui 1 frame

Play & stop)

Tua tới 1 f

Thời lượng clip

rame

Loop

đầu đọc

Hiện thị

vùng an toàn

Tua nhanh

Marker Out(chọn điểm cuối)

Marker In (chọn điểm đầu)

Maker trên clip

Play vùng chọn marker

Tới lui giữa maker in và out

Thao tác cắt video clip bằng marker

- Click maker In
- Dời vị trí đầu đọc
- Click marker Out
- Dùng lệnh insert, overlay hoặc drag từ Monitor xuống Timeline
- Xóa marker : Chọn lệnh Marker □ Clear clip marker

Thao tác với lệnh insert, overlay và take video

Insert: Chèn clip vào track

tác hoạt trên timeline

clip trên

ne

Công cụ lấy video và audio(click

để thay đổi chọn lựa)

Overlay: đè

timeli

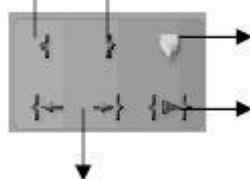
Thao tác với Monitor Program

Marker In (chọn điểm đầu)

Marker Out(chọn điểm cuối)

trên timeline

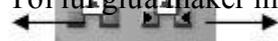
trên timeline



Maker work area

Play vùng chọn marker

Tới lui giữa maker in và out

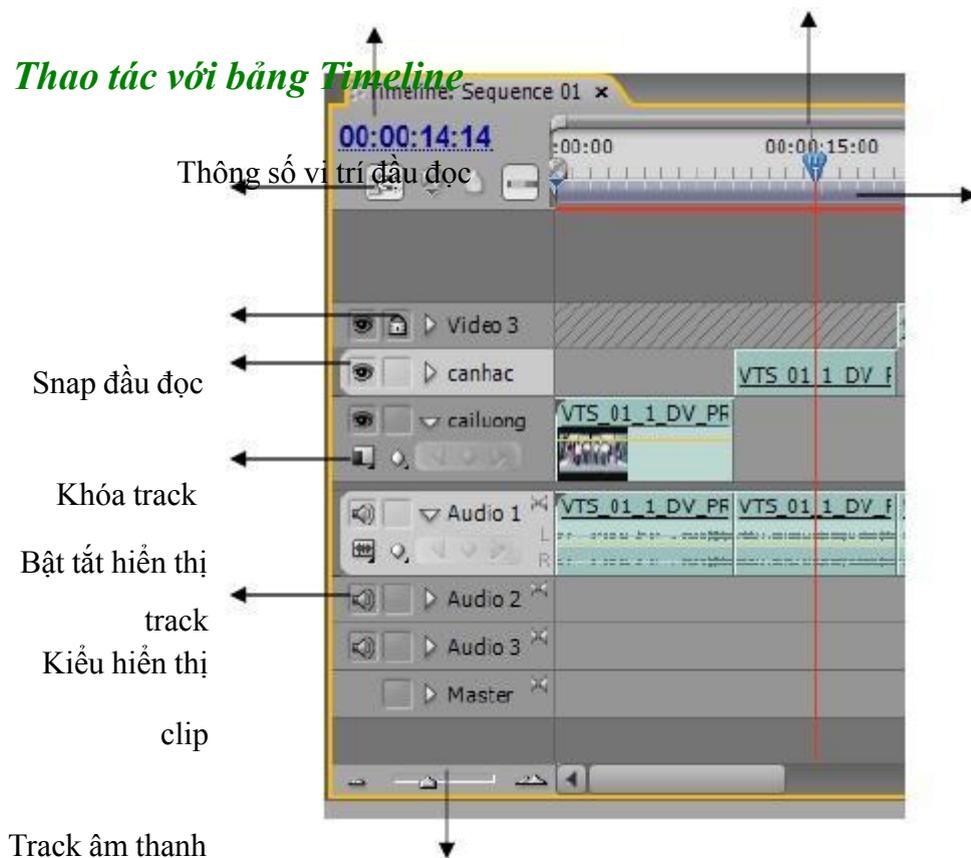


Lift: xóa clip trong vùng

chọn marker (track tác
hoạt)

Giáo trình Adobe Premiere
Trang 10

Thao tác với bảng Timeline



Extract: xóa clip và nối clip

trong vùng chọn marker (track
tác hoạt)

Vi trí đầu đọc

Work area

Thêm và xóa Track

• Thao tác:

- Thêm tracks: Chọn lệnh Sequence □ Add Tracks



Số lượng track Video
cần thêm
Thứ tự track thêm

Số lượng track Audio
cần thêm

- Xóa Tracks: Chọn lệnh Sequence □ Delete Tracks



Kiểm vào để xóa track video



xóa các track trống
hoặc xóa track tác hoạt

Kiểm vào để xóa track audio



VIII. Công cụ cơ bản

Công cụ Select

- Tính chất: Cho phép chọn di chuyển và cắt clip
- Thao tác:
 -  Click vào clip để chọn và di chuyển (giữ Shift chọn thêm)
 - Click vào điểm đầu và cuối của clip □drag để cắt

Công cụ Track Select

- Thao tác:
 - Click vào clip chọn theo track (giữ Shift chọn thêm track)

Công cụ Razor

- Thao tác:
 - Click vào clip để cắt Clip

Copy và Paste Clip

- Thao tác:
 - Chọn clip trên timeline □ chọn lệnh Edit □ copy
 - Tác hoạt track cần paste và định đầu đọc □ chọn lệnh Edit □ Paste

Render Work Area

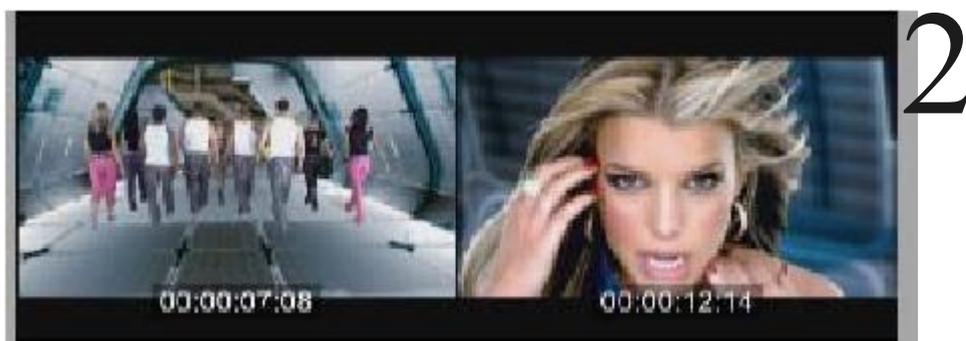
- Tính chất: xuất tạm sản phẩm theo vùng chọn Work Area
- Thao tác:

 - Chọn lệnh Sequence □ Render Work Area (Enter)

IX. Thực hành biên tập cơ bản

Giáo trình Adobe Premiere

Trang 12



Biên tập phim

- Thao tác với bộ công cụ biên tập
- Fast, Slow, Reverse motion, freeze
- Photoshop cho phim
- Thao tác với track Audio
- Tinh giảm trọng lượng project
- Lưu đóng gói
- Xuất phim
- Thực hành biên tập

I. Thao tác với bộ công cụ biên tập

Công cụ Ripple

- Tính chất: Cho phép thu ngắn kéo dài clip nhưng không để lại khoảng hở trên time line
- Thao tác:
 - Click vào giữa 2 clip kế nhau → drag để cắt

Xuất hiện Monitor cho thấy hình ảnh nối tiếp giữa 2 clip



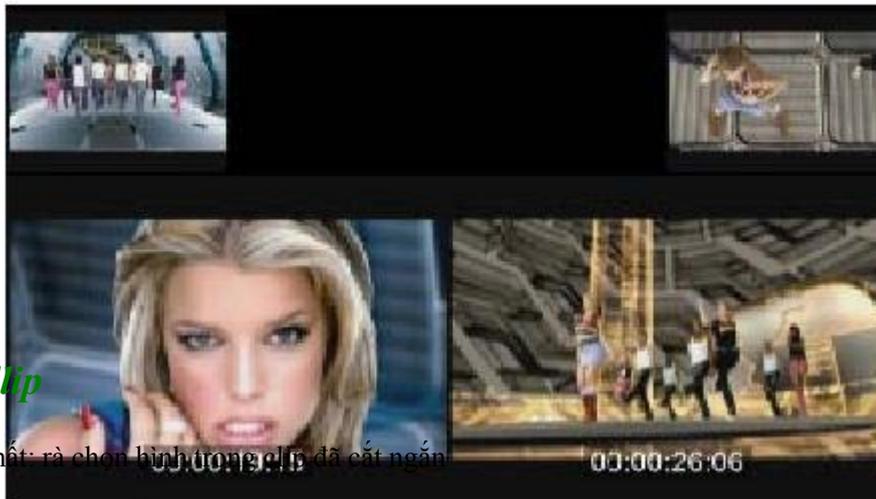
Công cụ Rolling

- Tính chất: Thu ngắn clip bên trái kéo dài clip bên phải, thu ngắn clip phải kéo dài clip trái
- Thao tác:



- Click vào giữa 2 clip kế nhau □drag để cắt

Xuất hiện Monitor cho thấy hình ảnh nối tiếp giữa 2 clip



Công cụ Slip

- Tính chất: rà chọn hình trong clip đã cắt ngắn

- Click ngay giữa clip □drag để rà hình ảnh

Xuất hiện Monitor cho thấy hình ảnh nối tiếp giữa 3 clip. Hai monitor lớn hiển thị hình ảnh clip đang rà hình, monitor nhỏ là hình ảnh của các clip 2 bên

Công cụ Slide

- Tính chất: giúp nối tiếp giữa thay đổi thời lượng 2 clip bên hồ
- Thao tác:
 - Click vào giữa clip → drag để thao tác



Giáo trình Adobe Premiere

Trang 14



Xuất hiện Monitor cho thấy hình ảnh nối tiếp giữa 3 clip. Hai monitor nhỏ hiển thị hình ảnh clip đang được di chuyển, monitor lớn là hình ảnh của các clip 2 bên

Công cụ Rate Stretch

- Tính chất: làm nhanh hoặc chậm tốc độ chuyển động (người, xe) trong video clip



- Thao tác:

- Click vào cuối hoặc đầu clip □ drag để thao tác

II. Fast, Slow, Reverse motion, freeze

Fast, Slow, Reverse motion

- Tính chất: làm nhanh chậm hoặc dừng tốc độ chuyển động (người, xe) video clip

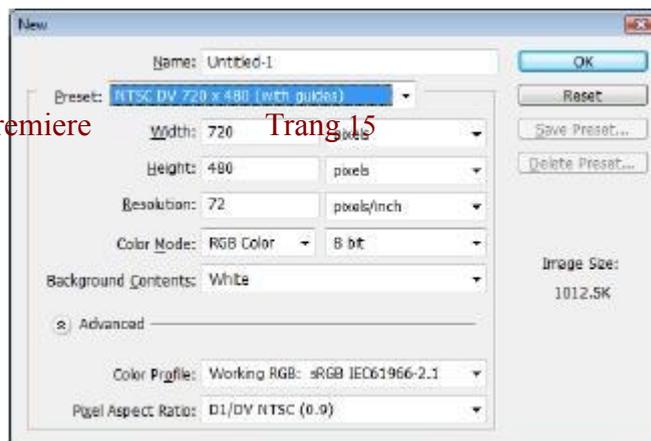
- Thao tác:



- Chọn clip trên timeline □ chọn lệnh □ Clip □ Speed □ Duration
- Speed > 100 : chuyển động nhanh (Fast Motion)
- Speed < 100 : chuyển động chậm (Slow Motion)
- Reverse Speed: đảo ngược chuyển động

Freeze

- Tính chất: dừng hình đoạn video .



- Thao tác:

- Chọn clip trên timeline □ chọn lệnh □ Clip □ Video Option □ Frame Hold
- In Point: dừng hình tại điểm In
- Out Point: dừng hình tại điểm Out
- Marker 0: dừng hình tại marker clip

III. Photoshop cho phim

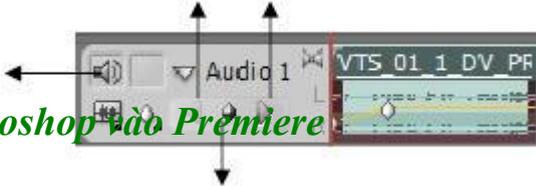
Chọn đúng loại hình ảnh cho phim

- chọn đúng mục đích sử dụng photoshop cho phim
 - Thao tác:
 - Chạy chương trình Photoshop □ chọn lệnh File □ New □ preset □ chọn
- 

film&Video □ Chọn loại file tương ứng với project

- Lưu và giữ lại layer

Import file photoshop vào Premiere



- Thao tác:
 - Chọn lệnh File □ Import □ chọn file ảnh photoshop

- Import as □ footage □ choose layer (chọn từng layer)

- Import as □sequence (import tất cả layer và tạo sequence)
- Footage Dimensions : chọn Document size lấy vừa khung, layer size crop sát đối tượng

Gộp layer

Chọn layer

Chọn kiểu crop layer

IV. Thao tá với track audio

Tăng giảm âm lượng

- Tính chất: hiệu chỉnh hiệu ứng âm thanh, tăng giảm âm
- Thao tác:
 - Mở track audio trên Timeline
 - Định vị trí đầu đọc □click nút Add and Remove Keyframe
 - Dùng công cụ select di chuyển Key lên để tăng âm, xuống giảm âm
 - Click giữa thanh âm lượng (màu vàng để tăng giảm tổng clip âm thanh)

Di chuyển tới lui giữa các key

Bật tắt âm thanh

Add and Remove Keyframe

Liên kết và tách liên kết âm thanh

Tính chất: giúp tách âm thanh khỏi clip hình hoặc liên kết tiếng với hình sau khi đã chỉnh khớp âm thanh với hình

- Thao tác:

- Tách liên kết: click phải clip trên timeline □ Unlink
- Liên kết : chọn clip hình và clip tiếng □ click phải clip trên timeline □ Link

V. Tinh giảm trọng lượng project

- Tính chất: Loại bỏ vĩnh viễn những đoạn video thừa
- Thao tác:
 - Chọn clip bằng Marker trên monitor source □ tác hoạt monitor source □ chọn

lệnh Clip □ make subclip

VI. Lưu đóng gói

- Tính chất: lưu toàn bộ dữ liệu vào 1 thư mục, các subclip sẽ được cắt hẳn khi lưu trọn gói (Trim project)
- Thao tác:
 - Save project trước khi lưu trọn gói
 - Chọn lệnh Project □ Project Manager
 - Chọn Create New Trimmed Project: cắt hẳn các subclip
 - Collect files and Copy to New Location: lưu dạng này không cắt hẳn các subclip
 - Exclude Unused Clips: chỉ copy những clip trên Timeline
 - Include Preview Files : nếu kiểm sẽ mang theo những files Preview



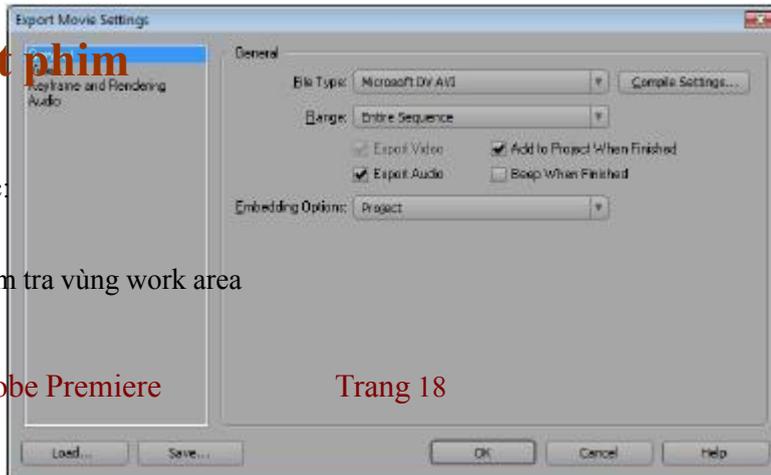
Chọn đường dẫn
lưu

VII. Xuất phim

- Thao tác:
 - Kiểm tra vùng work area

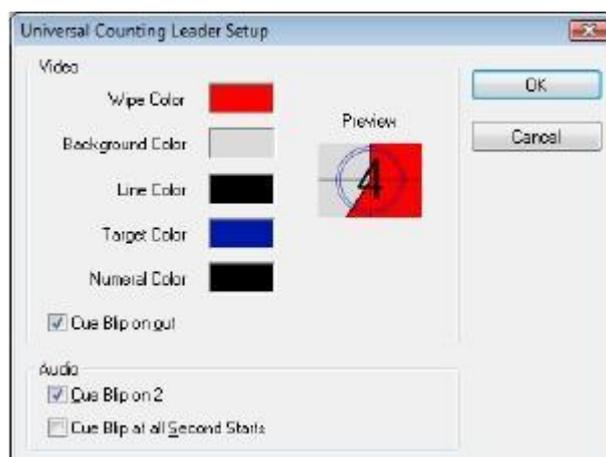
Giáo trình Adobe Premiere

Trang 18



- Tác hoạt timeline □ chọn lệnh File □Export □Movie□click nút Setting
- File type : chọn loại file để xuất
- Range : chọn xuất hết timeline hay xuất vùng chọn Work area
- Export audio : kiểm vào nếu muốn xuất video có âm thanh
- Chuyển qua Tab Video kiểm tra đúng hệ cần xuất □ok

VIII. Thực hành biên tập



3

Chuyển động

- Tạo đề mục Universal Counting Leader, Title
- Thao tác cơ bản với bảng Effect control
- Hiệu chỉnh Motion
- Tao tác với Sequence
- Thực hành biên tập chuyển động

I. Universal Counting Leader

- Tính chất: tạo số đếm ngược dùng gắn ở đầu đoạn phim
- Thao tác:
 - Chọn lệnh File □ New □ Universal Counting Leader

Tiêu đề Title

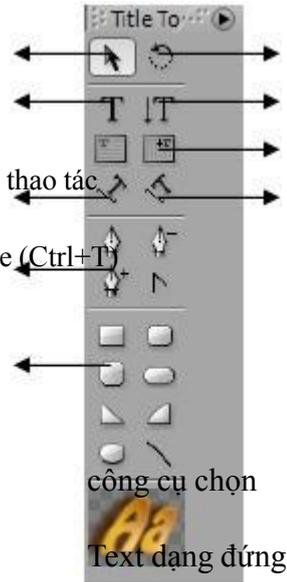
- Tính chất: Tạo các clip Text chuyển động và Shape

- Thao tác:

- Click vào giữa clip và drag để thao tác

- Chọn lệnh File > New > Title (Ctrl+T)

Thuộc tính và công cụ text



công cụ chọn

công cụ Text

Text vùng

Text dạng đứng

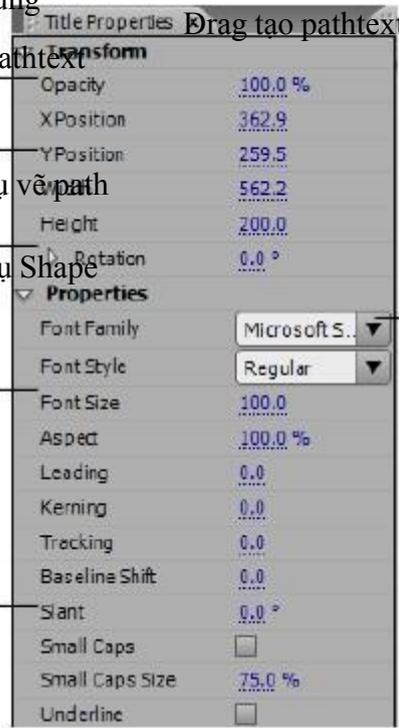
Text vùng dạng đứng

Drag tạo path text

Bộ công cụ vẽ path

công cụ Shape

Drag tạo pathtext đứng



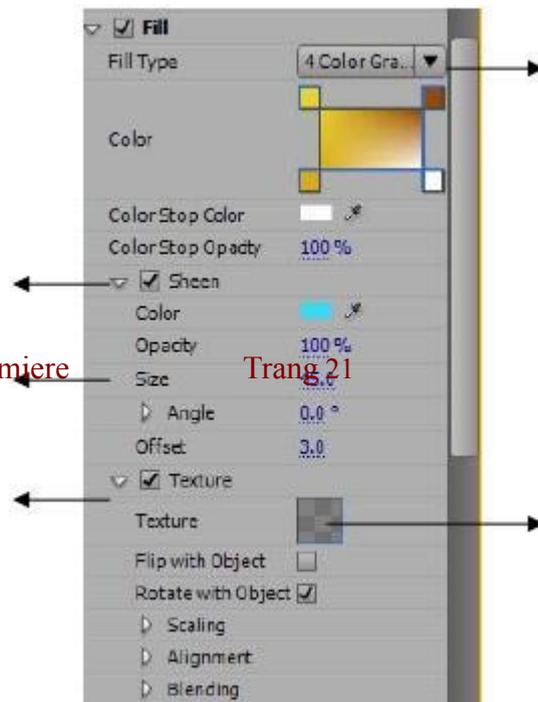
Trong suốt text

Vị trí text

Xoay text

Kiểu font

Kích thước font



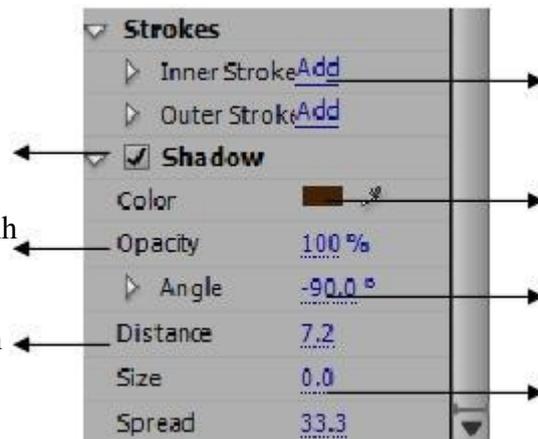
Kiểu tô màu

Lấp lánh Text

Độ dày lấp lánh

Tô Texture lên

chữ



Click chọn texture



Độ bóng lên chữ

Màu bóng

Trong suốt bóng đổ

Góc bóng đổ

Khoảng cách bóng

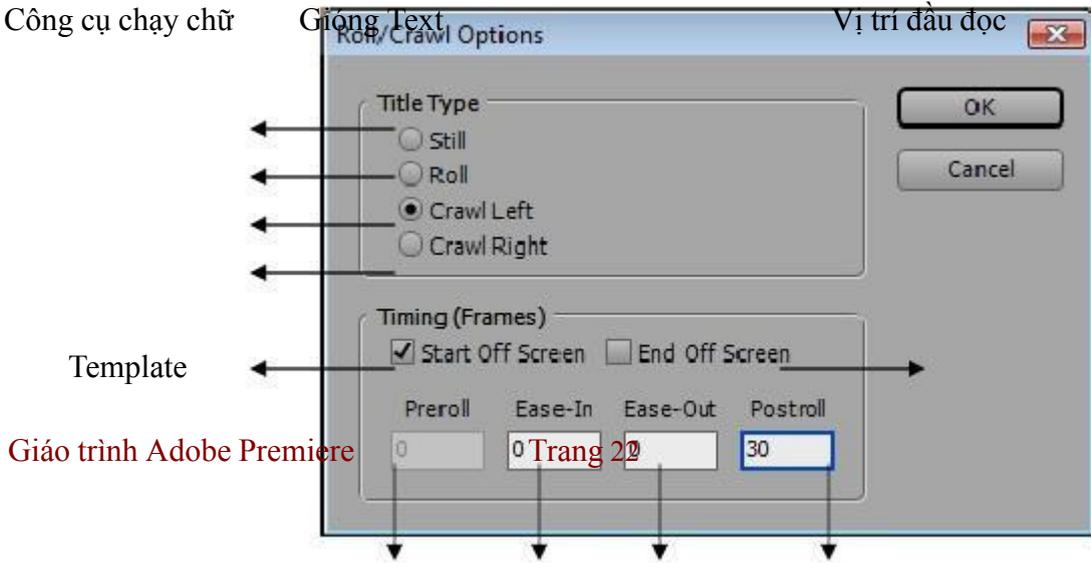


Hiện thị Background

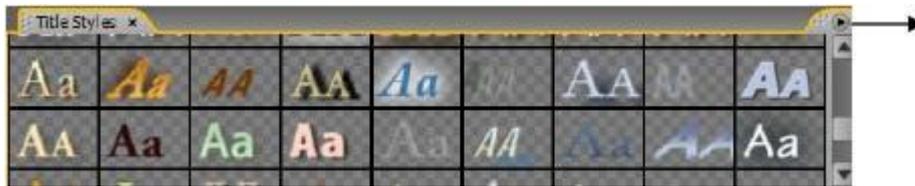
Công cụ chạy chữ

Giống Text

Vị trí đầu đọc



Công cụ chạy chữ roll and Crawl



Text tĩnh

Text cuộn

Chạy text qua trái

Chạy text qua phải

Text chạy từ ngoài
màn hình vào

Text chạy ra khỏi
màn hình

Tốc độ

trước tăng dần

giảm dần sau khi chạy

khi c
hạ

Title Styles



Click nút tam giác
để lưu Style mới

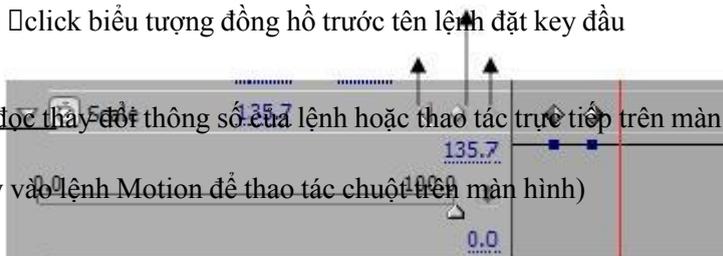
II. Thao tác cơ bản với bảng Effect control

- Tính chất: tạo chuyển động cho các clip, diễn hoạt opacity, hiệu chỉnh audio
- Thao tác:

- Tác hoạt clip trong timeline □ mở bảng Effect Controls

- Định vị trí đầu □ click biểu tượng đồng hồ trước tên lệnh đặt key đầu

- Dời vị trí đầu đọc thay đổi thông số của lệnh hoặc thao tác trực tiếp trên màn hình (tác hoạt ngay vào lệnh Motion để thao tác chuột trên màn hình)



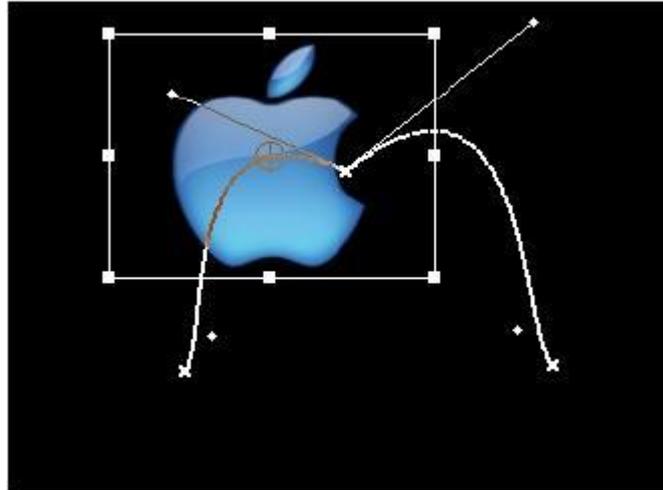
Co giãn clip

Xoay clip

Chống chập chờn

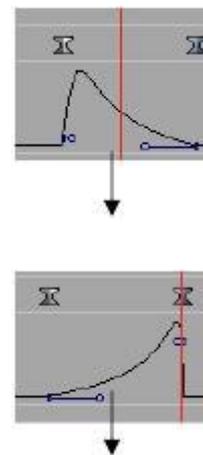
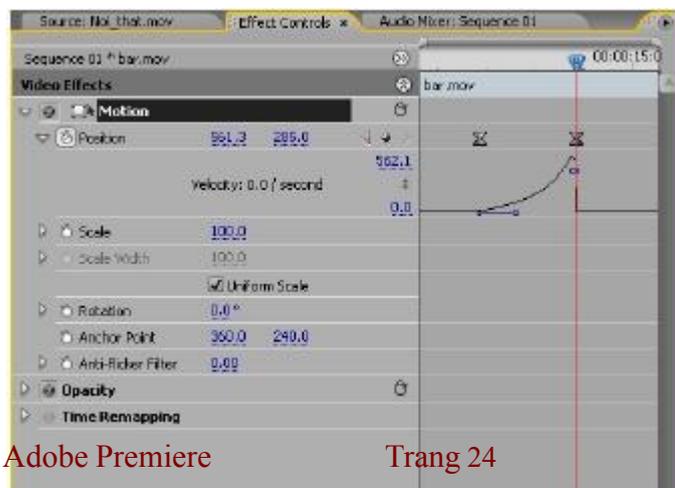
Trong suốt clip

Volume âm thanh



Đi tới key trước Đi tới key sau

Đặt key đầu hoặc
xoá tất cả key



Giáo trình Adobe Premiere

Trang 24

- Tính chất: tạo các đường chuyển động cong hoặc gấp khúc
- Thao tác:
 - Tạo diễn hoạt position □ click nút tam giác trước Position mở ra
 - Click phải vào key □ Spatial interpolation □ Bizier chuyển động cong, Linier chuyển động thẳng

Hiệu chỉnh

tốc độ

Position

- Tính chất: nhanh, chậm dần cho diễn hoạt Motion
- Thao tác:
 - Tạo diễn hoạt position □ click nút tam giác trước Position mở ra
 - Click phải vào key □ Temporal interpolation □ Bizier chỉnh đường tốc độ

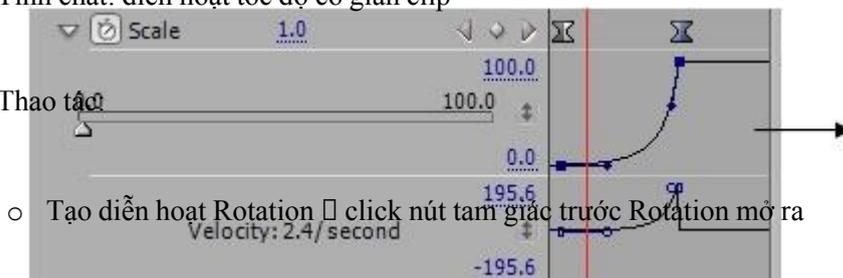
Chậm dần

Nhanh dần

Hiệu chỉnh tốc độ Scale

- Tính chất: diễn hoạt tốc độ cơ giãn clip

- Thao tác:



- Tạo diễn hoạt Rotation click nút tam giác trước Rotation mở ra

- Click phải vào key Bizier chỉnh đường tốc độ



Scale nhanh dần

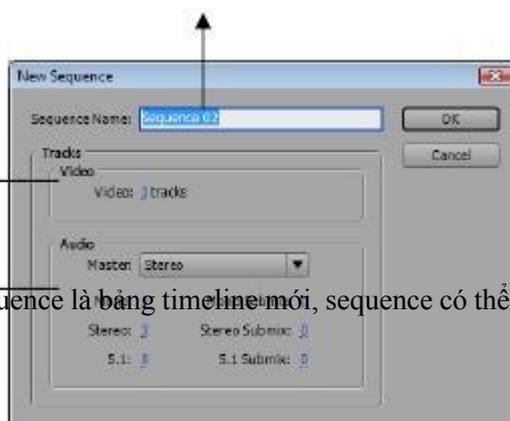
Scale chậm dần

Sequence

- Tính chất: sequence là bảng timeline mới, sequence có thể chứa sequence

- Thao tác:

- Chọn lệnh File New Sequence (Ctrl+N)



Số track video

cần thêm

Số track audio

cần thêm

- Drag sequence từ project vào track trên timeline, có thể di chuyển qua lại các sequence để chỉnh sửa

4



Hiệu ứng chuyển cảnh, hiệu

ứng Video

- Hiệu ứng chuyển cảnh (Transition)
- Hiệu ứng chỉnh màu
- Hiệu ứng Blur and sharp
- Hiệu ứng Perspective
- Bài tập thực hành hiệu ứng

I. Hiệu ứng chuyển cảnh (Transition)

Hiệu ứng chuyển cảnh

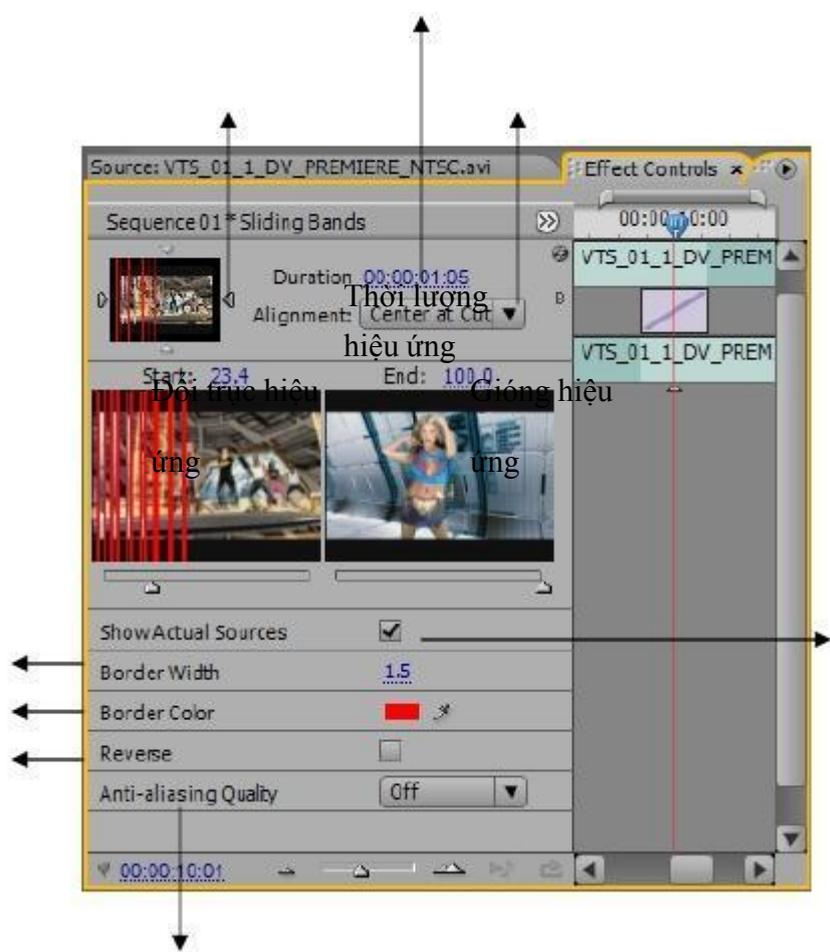
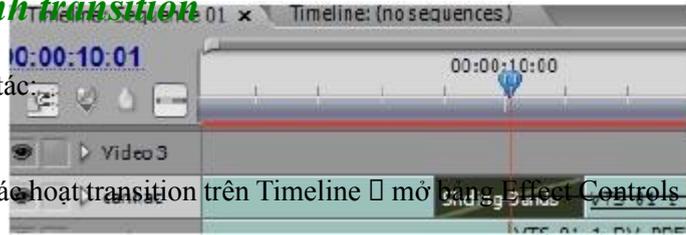
- Tính chất: tạo ra hiệu ứng giữa các clip kế nhau
- Thao tác:
 - Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Transition □ drag hiệu ứng thả vào giữa 2 clip kế nhau

Hiệu ứng chuyển
cảnh

Hiệu ứng Default
có màu viền đỏ

Hiệu chỉnh transition

- Thao tác:
 - Tác hoạt transition trên Timeline → mở Effect Controls →



Tác hoạt
Transition

Hiện thị clip

- Độ dày viền
- Màu viền
- Đảo hướng
- hiệu ứng



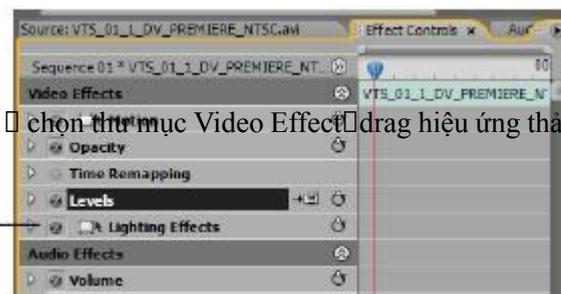
II. Hiệu ứng chỉnh màu

- Tính chất: tạo ra hiệu ứng giữa các clip kế nhau
- Thao tác:



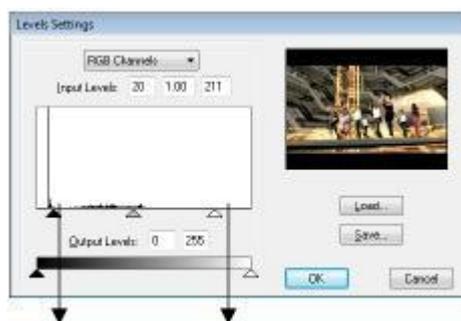
- Mở bảng Effect chọn từ mục Video Effect drag hiệu ứng thả giữa clip trên

timeline



Hiệu ứng Video

Bật tắt hiệu ứng



Hiệu ứng chỉnh màu Level

- Thao tác:

- Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Adjust → chọn

Level → drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

- Mở bảng Effect Control
- Click icon bên phải của Level

Giáo trình Adobe Premiere Trang 29

Hiệu ứng chỉnh màu Lighting

- Tính chất: đánh đèn lên video
- Thao tác:

- Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Adjust → chọn

Lighting → drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

Tác hoạt để thao tác đèn trên monitor

Kiểu đèn

Màu đèn

Vị trí tâm

Vùng chiếu đứng

Vùng chiếu ngang

Xoay đèn

Tăng sáng
Tập trung vùng
chiếu

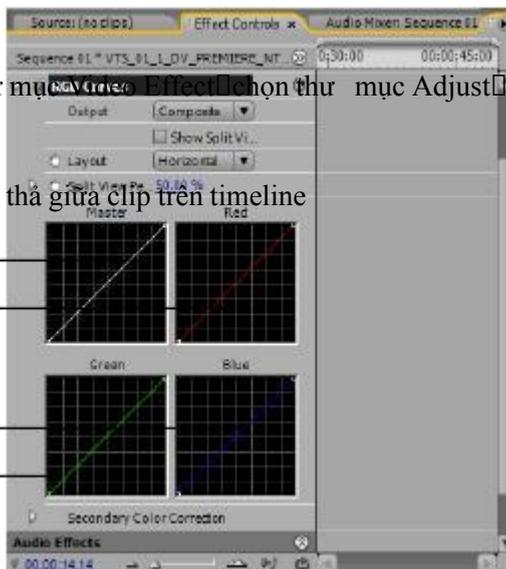
Hiệu ứng chỉnh màu ProcAmp

• Thao tác:

- Mở bảng Effect chọn thư mục Video Effect chọn thư mục Adjust chọn

ProcAmp drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

Độ sáng
Tương phản
Màu sắc
Độ bão hòa
màu



Chia clip để so
sánh

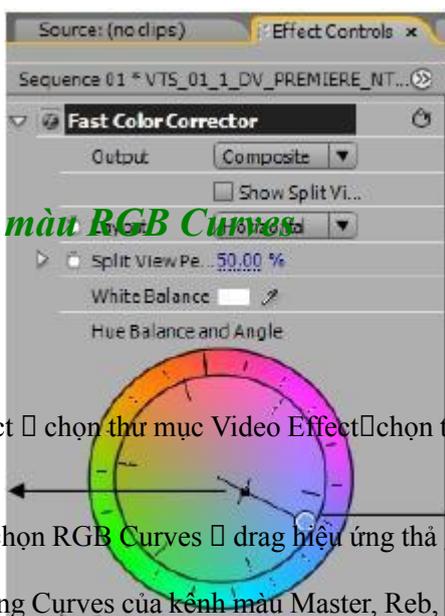
Hiệu ứng chỉnh màu RGB Curves

• Thao tác:

- Mở bảng Effect chọn thư mục Video Effect chọn thư mục Color

Correction chọn RGB Curves drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

- Click vào đường Curves của kênh màu Master, Red, Green, Blue để chỉnh



Master kênh 3 màu

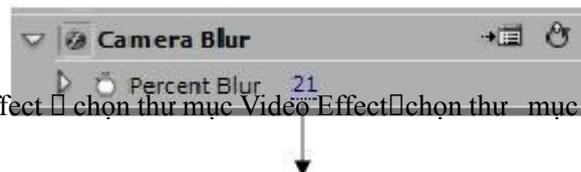
Red Màu đỏ

Blue màu xanh

Green màu xanh lục

Hiệu ứng chỉnh màu RGB Curves

- Thao tác:

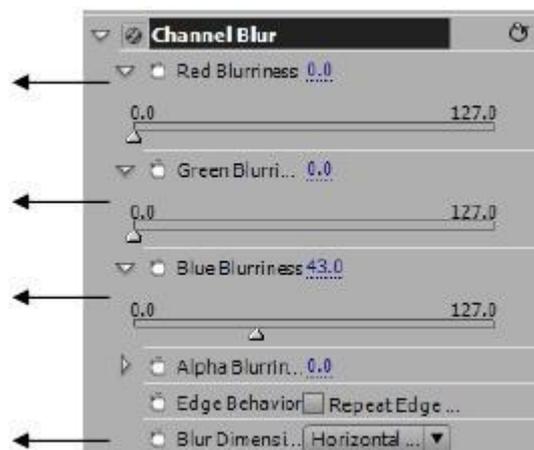


- Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Color

Correction → chọn Fast Color Corrector → drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

- Click vào bánh xe màu → Drag vòng tròn giữa để chỉnh

Drag để tăng màu



Drag để chỉnh màu

Giáo trình Adobe Premiere

Trang 31



III. Hiệu ứng Blur and sharp

Hiệu ứng camera Blur

- Tính chất: làm mờ clip

- Thao tác:
 - Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect□chọn thư mục Blur & Sharpen
 - chọn Camera Blur□ drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

Tăng độ mờ

Hiệu ứng Chanel Blur

- Tính chất: làm mờ clip theo kênh màu
- Thao tác:
 - Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect□chọn thư mục Blur & Sharpen
 - chọn Chanel Blur□ drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

Mờ kênh đỏ

Mờ kênh xanh lục

Mờ kênh xanh

Trục làm mờ

Hiệu ứng Directional Blur

- Tính chất: làm mờ clip theo hướng
 - Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect□chọn thư mục Blur & Sharpen
 - chọn Directional Blur□ drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

Hướng làm mờ

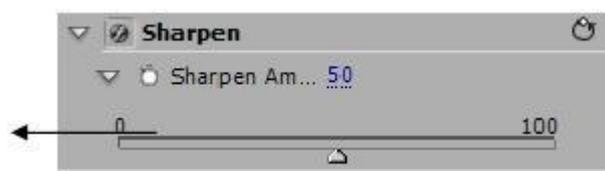
Hiệu ứng Ghost Blur

- Tính chất: làm mờ chuyển động clip
 - Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Blur & Sharpen
 - chọn Ghost Blur → drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline



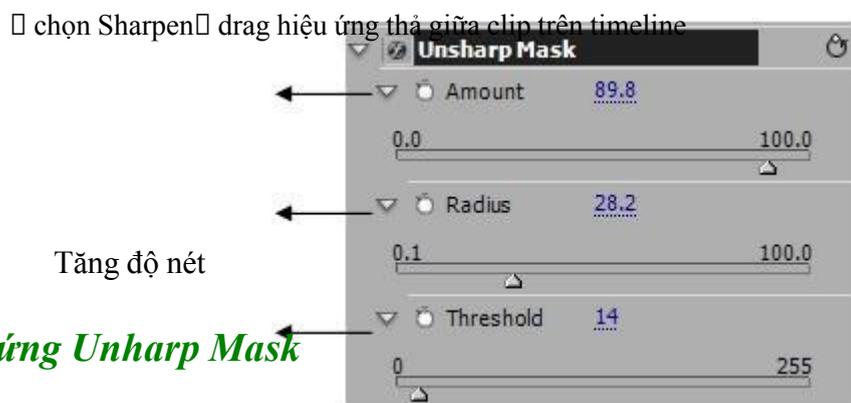
Hiệu ứng Sharpen

- Tính chất: làm rõ hình ảnh Clip
 - Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Blur & Sharpen
 - chọn Sharpen → drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline



Hiệu ứng Unsharp Mask

- Tính chất: làm rõ hình ảnh Clip
 - Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Blur & Sharpen



☐ chọn Unharp mask ☐ drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

Tăng độ nét

Nét vùng cạnh khi

giá trị thấp

Tăng nét tương phản

khi giá trị thấp

Giáo trình Adobe Premiere

Trang 33



IV. Hiệu ứng Perspective

Hiệu ứng Basic 3D

- Tính chất: làm xoay nghiêng clip trong không gian 3D

- Mở bảng Effect ☐ chọn thư viện Effect ☐ chọn Basic 3D ☐



chọn Basic 3D ☐ drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline

Xoay trục đứng

Xoay trục ngang

Khoảng cách xa gần



Hiệu ứng Drop Shadow

- Tính chất: làm đổ bóng video clip
 - Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect □ chọn thư mục Perspective □

chọn Drop Shadow □ drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline



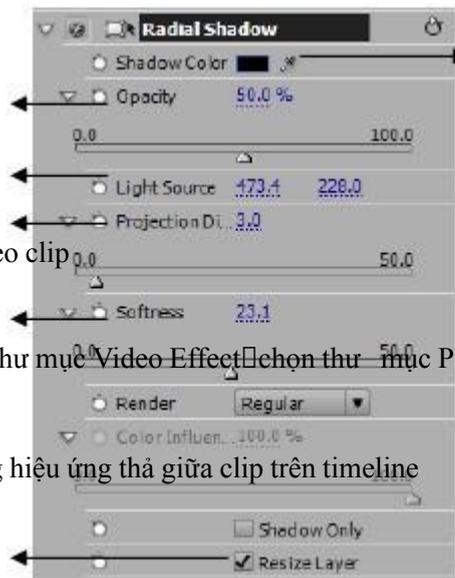
Độ mờ bóng

Chỉ hiển thị bóng

Hiệu ứng Bevel Edges

- Tính chất: làm đổ bóng video clip
 - Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect □ chọn thư mục Perspective □

chọn Bevel Edge □ drag hiệu ứng thả giữa clip trên timeline



Độ dày khung bevel

Hướng ánh sáng

Màu bevel

Cường độ sáng

Hiệu ứng Radial Shadow

- Tính chất: làm đổ bóng xòe xung quanh video clip
 - Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect □ chọn thư mục Perspective □ chọn Bevel Edge □ drag hiệu ứng thả giữa clip trên

Màu bóng

Độ mờ bóng

Hướng bóng đổ

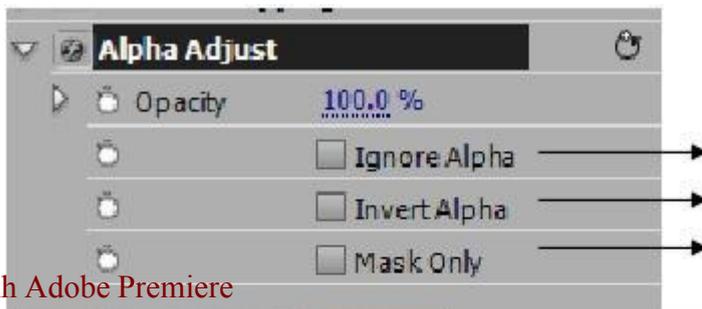
Độ xa gần bóng

Độ mờ bóng

Kiểm vào hiển thị bóng

V. Bài tập thực hành hiệu

ứng



Giáo trình Adobe Premiere

Trang 35



Hiệu ứng lọc nền

Transparency

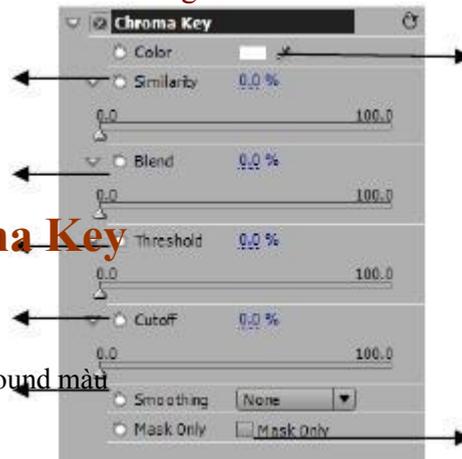
- Hiệu ứng Alpha channel
- Hiệu ứng Chroma Key
- Hiệu ứng Track Matte Key
- Hiệu ứng Image Matte Key
- Hiệu ứng Luma Key
- Hiệu ứng Transform (Camera view, Crop, Horizontal Clip, Horizontal Hold, Roll)
- Bài tập thực hành Keying và các hiệu ứng khác

I. Hiệu ứng Alpha Adjust

- Tính chất: hiệu chỉnh vùng trong suốt của ảnh và chuỗi ảnh
 - Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Keying → chọn Adjust Alpha → drag hiệu ứng thả giữa clip có kênh Alpha như (Photoshop. Chuỗi TGA)

II. Hiệu ứng Chroma Key

- Tính chất: xóa bỏ background màu
- Thao tác:



- Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Keying → chọn Chroma Key → drag hiệu ứng thả giữa clip
- Chọn công cụ hút màu → Click vào màu cần xóa trên màn hình

Chọn màu để xóa

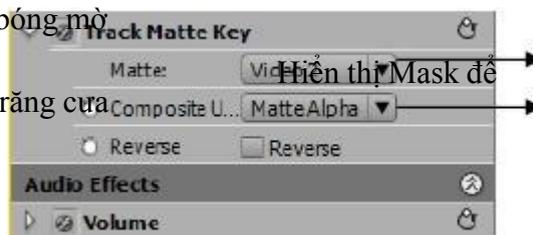
Xóa thêm màu tương tự

Hòa màu key với clip dưới

Xóa bóng mờ clip key

Tăng sáng tối bóng mờ

Chống răng cưa



kiểm soát key

III. Hiệu ứng Track Matte Key

- Tính chất: lồng clip vào Text hoặc clip khác
- Thao tác:



Clip gán hiệu ứng Track Matte Key Phải được đặt nằm dưới clip được lồng vào



(Text, chuỗi TGA...)

Mở bảng Effect chọn thư mục Video Effects chọn từ menu Keying chọn

Track Matte Key drag hiệu ứng thả

Chọn track để lồng vào
lồng theo kênh Alpha
hay theo sắc độ

Giáo trình Adobe Premiere

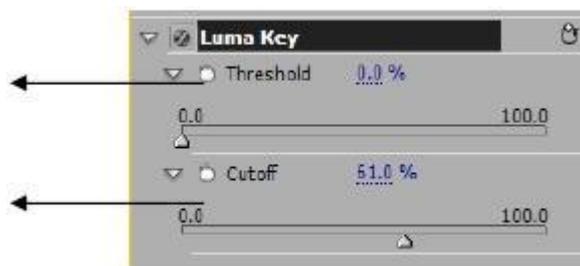
Trang 37



Track để lồng vào

Track gán hiệu ứng

Track Matte Key



Track Matte Key lồng theo kênh Alpha (Composite using chọn Alpha)



Track Matte Key lồng theo sắc độ màu (Composite using chọn Luma)

IV. Hiệu ứng Luma Key

- Tính chất: xóa phần nền sáng trắng hoặc màu tối
- Thao tác:
 - Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Keying → chọn

Luma Key → drag hiệu ứng thả giữa clip

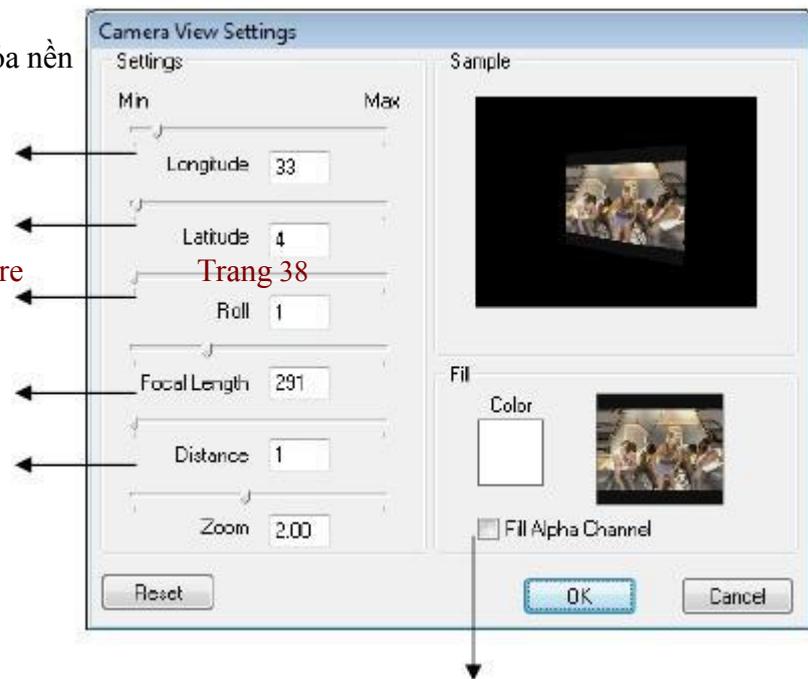


Tăng giá trị xóa nền tối

Tăng giá trị xóa nền trắng

Giáo trình Adobe Premiere

Trang 38



V. Hiệu ứng Transform

Hiệu ứng Camera view

- Tính chất: tạo diễn hoạt Video Clip trong không gian 3D
- Thao tác:
 - Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Transform →

chọn Camera view → drag hiệu ứng thả giữa clip



Xoay đứng

Xoay ngang

Xoay trục thẳng

màn hình

Tiêu cự camera

Chỉnh xa gần



Hiệu ứng Crop



- Tính chất: cắt xén thu hẹp video

- Thao tác:

- Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect□chọn thư mục Transform □

chọn Crop □ drag hiệu ứng thả giữa clip

Cắt trái hình

Cắt trên hình

Cắt phải hình

Cắt dưới hình

Hiệu ứng Horizontal Clip

- Tính chất: lật video clip theo đường ngang
- Thao tác:

- Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect□chọn thư mục Transform □

chọn Horizontal Clip □ drag hiệu ứng thả giữa clip

Hiệu ứng Horizontal Hold

- Tính chất: làm nghiêng video clip
- Thao tác:

- Mở bảng Effect □ chọn thư mục Video Effect□chọn thư mục Transform □

chọn Horizontal Hold □ drag hiệu ứng thả giữa clip



Drag để chỉnh

Hiệu ứng Roll

- Tính chất: tạo hiệu ứng cuộn clip theo chiều đứng hoặc ngang

- Thao tác:

- Mở bảng Effect chọn thư mục Video Effect chọn thư mục Transform

chọn Horizontal Hold drag hiệu ứng thả giữa clip



Click icon để chỉnh



Cuộn sang trái

Cuộn sang phải

Cuộn lên

Cuộn xuống

VI. Bài tập thực hành Keying và các hiệu ứng khác

Giáo trình Adobe Premiere

Trang 41

6



Hiệu ứng video-Kết hợp 3D

max vào Premiere-Xuất DVD

- Xuất chuỗi ảnh Targa từ 3D Studio Max
- Import chuỗi ảnh Targa
- Hiệu ứng Distort
- Xuất DVD
- Xuất phim cho Web
- Bài tập thực hành 3D vào phim

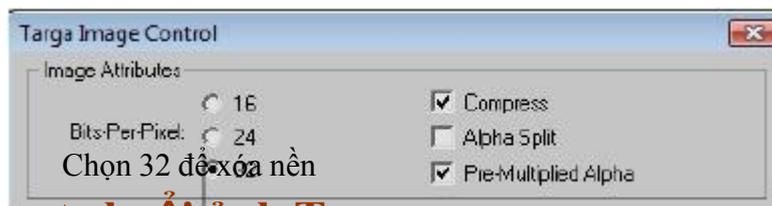
I. Xuất chuỗi ảnh Targa từ 3D Studio Max

- Tính chất: giúp Adobe Premiere lấy đối tượng diễn hoạt từ 3D Max và loại bỏ vùng background
- Thao tác:
 - Tạo diễn hoạt trong 3D max □ mở bảng Render Scene

Chọn hệ cần xuất

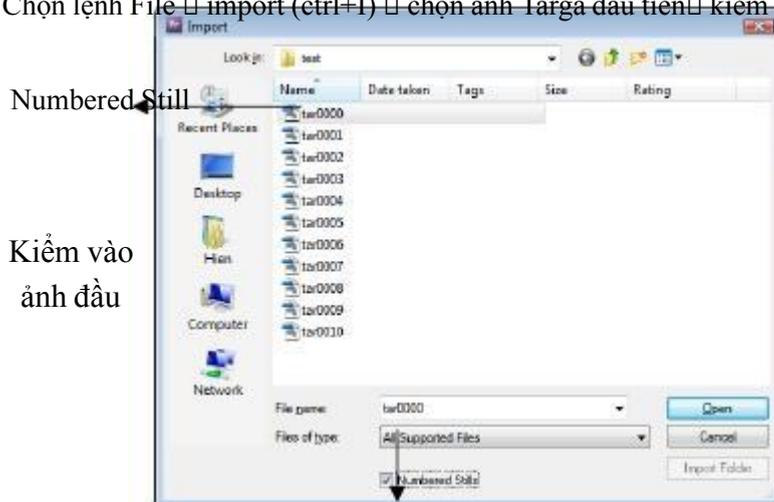
Click chọn loại file để xuất

Chọn đuôi *.TGA



II. Import chuỗi ảnh Targa

- Tính chất: nối chuỗi ảnh chuyển động thành đoạn Video clip
- Thao tác:
 - Chọn lệnh File □ import (ctrl+I) □ chọn ảnh Targa đầu tiên □ kiểm vào ô



Kiểm vào Numbered Stills

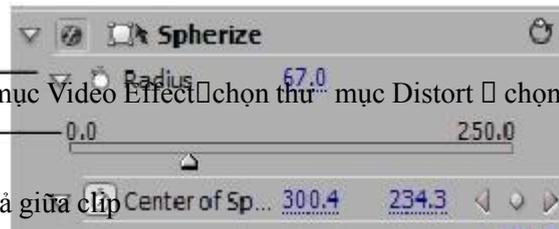
III. Hiệu ứng Distort

Hiệu ứng Spherize

- Tính chất: làm nổi hình ảnh như khối cầu

- Thao tác:

- Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Distort → chọn



- Spherize → drag hiệu ứng thả giữa clip

Bán kính hiệu ứng

Tâm hiệu ứng



Hiệu ứng



Conner Pin

- Tính chất: làm nghiêng 4 góc hình video

- Thao tác:

- Mở bảng Effect → chọn thư mục Video Effect → chọn thư mục Distort → chọn

- Conner Pin → drag hiệu ứng thả giữa clip



Tác hoạt lệnh thao tác
trực tiếp trên màn hình

Hiệu ứng Wave Warp

- Tính chất: tạo hình gợn sóng trên clip
- Thao tác:

- Mở bảng Effect > chọn thư mục Video Effect > chọn thư mục Distort > chọn Wave Warp > drag hiệu ứng thả giữa clip

Kiểu lượn sóng

Chiều cao sóng

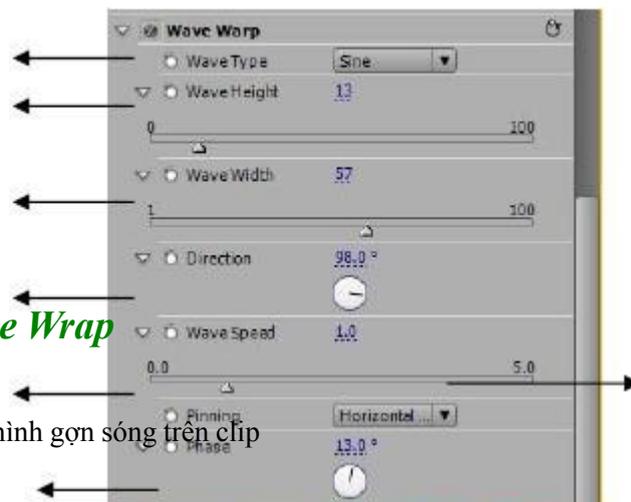
Chiều rộng sóng

Hướng sóng

Tốc độ sóng

Đổi dao động

sóng



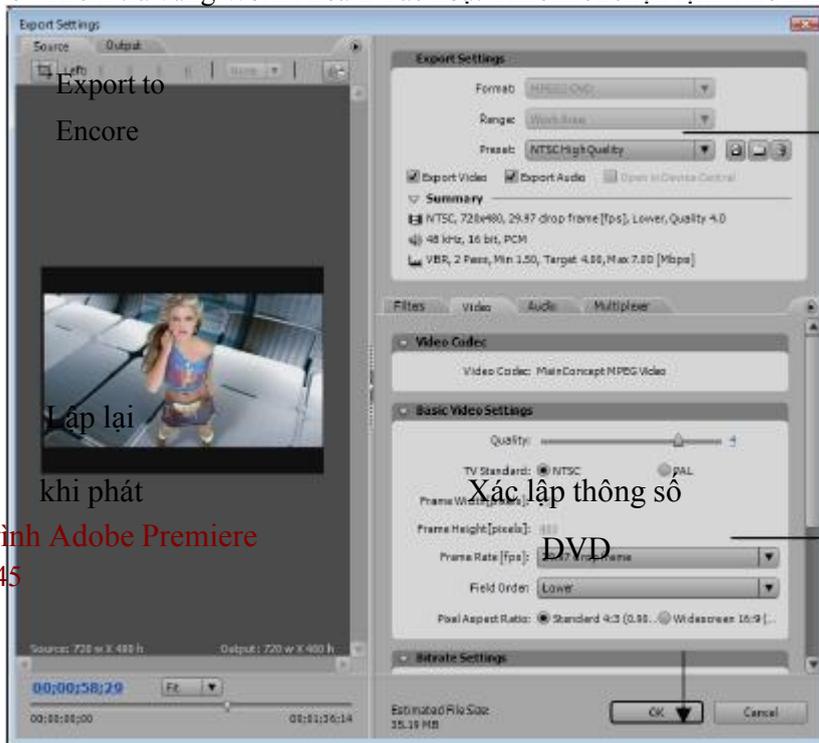
Tâm sóng

IV. Xuất

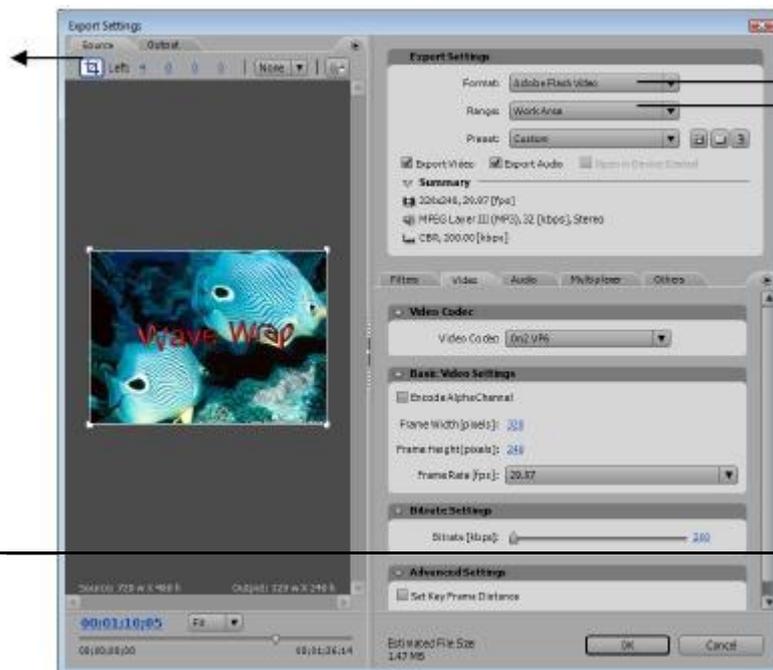
DVD

- Thao tác:

- Kiểm tra vùng Work Area □ Tác hoạt Timeline □ chọn lệnh File □ Export □



Giáo trình Adobe Premiere
Trang 45



Chọn chất lượng
DVD

Ok thoát ra để



V. Xuất phim cho Web

b

- Thao tác:
 - Kiểm tra vùng Work Area □ Tác hoạt Timeline□chọn lệnh File □ Export □

Adobe Media Encoder

Crop vùng xuất

xuất

Chọn loại file

Chọn dãy xuất

Ok xuất

